

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002240

Môn học: **Khởi tạo doanh nghiệp (226184) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **01/07/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D6-32**

T. Tân

Số SV có mặt: **33**

Số bài thi: **33**

Số tờ giấy thi: **42**

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Tuấn Anh

Vũ T. Huỳnh

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	2121200048	LƯU GIA BẢO	08/02/2003	CCQ2120B		1	Bao	7,8	7,5	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121260028	NGUYỄN QUỐC BẢO	27/10/2003	CCQ2126A		2	Bao	8,8	6,0	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121270125	TẶNG THỊ KIM CHÂU	10/07/2002	CCQ2127D				0,0			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121120010	VŨ QUỐC CƯỜNG	03/11/2003	CCQ2112A		2	Ce	5,7	7,0	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121200093	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	11/12/2003	CCQ2120A		1	Tu	8,3	7,0	7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121200017	DƯƠNG VĂN DUY	01/06/2002	CCQ2120A		1	Duy	9,1	9,0	9,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121270115	NGUYỄN BẢO DUY	06/11/2002	CCQ2127D				0,7			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121200016	VÕ HOÀNG MỸ DUYÊN	18/10/2003	CCQ2120A		1	Duyen	7,6	6,5	6,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121260031	TRƯƠNG THỊ ĐÀO	10/07/2002	CCQ2126A		1	Đào	8,2	8,0	8,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121200055	NGUYỄN CHÍ ĐIỀN	18/05/2003	CCQ2120B		1	Điền	1,2	5,0	3,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121200029	NGUYỄN TRẦN MINH HẢI	21/08/2001	CCQ2120A		2	Hai	7,7	9,0	8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121200069	NGUYỄN THÚY HẰNG	17/03/2003	CCQ2120B		2	Hang	8,2	8,5	8,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121270106	HUỖNH NGỌC HÂN	02/12/2003	CCQ2127D		2	Han	7,7	8,0	7,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121200030	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG HÂN	12/01/2003	CCQ2120A		1	Han	8,3	7,5	7,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121200040	HUỖNH THỊ NGỌC HẬU	12/03/2003	CCQ2120B		1	Hau	7,4	5,0	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121270108	ĐOÀN LÝ DẠ HOA	12/09/2003	CCQ2127D		1	Ho	7,8	7,0	7,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121200050	HUỖNH THỊ HOA	07/07/2003	CCQ2120B		1	Ho	7,3	4,5	5,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121200064	NGUYỄN THỊ HOA	11/05/2003	CCQ2120B				0,0	7,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121200012	VŨ VĂN HỒNG	26/08/2003	CCQ2120A		2	Hong	7,5	7,5	7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121200005	PHẠM HOÀNG HUY	15/09/2003	CCQ2120A		1	Huy	7,3	8,0	7,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002240

Môn học: **Khởi tạo doanh nghiệp (226184) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **01/07/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D6-32**

Số SV có mặt: **33**

Số bài thi: **33**

Số tờ giấy thi: **43**

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

[Signature]
Nguyễn Tuấn Anh

[Signature]
Vũ T. Hùng

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
21	2121120055	ĐÀM THỊ NHƯ HUYỀN	13/07/2003	CCQ2112B		1	<i>[Signature]</i>	8,2	8,0	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121200027	VÕ THÀNH HƯNG	20/07/2003	CCQ2120A		1	<i>[Signature]</i>	7,8	6,5	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121270088	NGUYỄN THỊ KIM HƯƠNG	04/03/2003	CCQ2127C		1	<i>[Signature]</i>	7,3	7,0	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121120052	NGUYỄN THÁI AN KIẾT	17/09/2002	CCQ2112B		2	<i>[Signature]</i>	7,0	8,5	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121270072	NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU	20/08/2003	CCQ2127C		1	<i>[Signature]</i>	7,8	8,5	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121120050	PHAN THỊ LÊ	23/12/2003	CCQ2112B				0,3			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121200037	NGUYỄN HỒ NHÃ LINH	04/05/2003	CCQ2120B		1	<i>[Signature]</i>	6,9	8,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121270086	NGUYỄN KHẢ LINH	01/01/2003	CCQ2127C		2	<i>[Signature]</i>	8,3	8,0	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121270090	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	15/07/2003	CCQ2127C		1	<i>[Signature]</i>	8,4	8,0	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121120060	TRƯƠNG THỊ KHÁNH LINH	27/12/2003	CCQ2112B		1	<i>[Signature]</i>	8,0	8,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121120037	LÊ THÀNH LONG	14/05/2003	CCQ2112B		2	<i>[Signature]</i>	7,3	9,5	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121270112	DƯƠNG THỊ TUYẾT MAI	10/01/2003	CCQ2127D		2	<i>[Signature]</i>	8,3	8,0	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2121120038	LÊ THỊ BẠCH MAI	14/05/2003	CCQ2112B		1	<i>[Signature]</i>	7,0	7,5	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2121270084	LÊ ĐOÀN KIM MY	23/03/2003	CCQ2127C		1	<i>[Signature]</i>	7,8	7,5	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2121120051	NGUYỄN THỊ TRẢ MY	02/07/2003	CCQ2112B		1	<i>[Signature]</i>	7,4	7,0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2120120430	NGUYỄN THỊ TỔ NGA	16/02/2002	CCQ2012M				0,7			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2119260058	DƯƠNG HOÀNG TUYẾT NGÂN	18/07/2001	CCQ1926B				0,8			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2121200065	PHAN ĐÌNH NGHĨA	23/09/2003	CCQ2120B		1	<i>[Signature]</i>	7,1	6,5	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2121200031	CHÂU BẢO NGỌC	30/07/2003	CCQ2120A		1	<i>[Signature]</i>	8,9	6,0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002241

Môn học: **Khởi tạo doanh nghiệp (226184) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **01/07/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D6-33**

T. Tấn

Số SV có mặt: **35**

Số bài thi: **35**

Số tờ giấy thi: **50**

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Xuân Chử

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Phước

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	2121270080	LÊ THỊ Ý NGUYỄN	09/02/2003	CCQ2127C		1	<i>Lu</i>	7,7	7,5	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121200010	HUYỀN VƯƠNG KIM NHẢ	16/07/2003	CCQ2120A		1	<i>Kim</i>	8,8	9,5	9,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121200009	LÊ VŨ PHƯƠNG NHI	18/08/2003	CCQ2120A		2	<i>Nhi</i>	8,4	9,0	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121200068	MAI TUYẾT NHI	22/08/2003	CCQ2120B		2	<i>Nhi</i>	8,8	9,0	8,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121270111	NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	31/12/2003	CCQ2127D		1	<i>Phung</i>	7,8	8,0	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121240162	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	18/06/2003	CCQ2127D		2	<i>Nhu</i>	8,3	8,5	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121200067	TRƯƠNG ĐỨC PHÚC	21/05/2003	CCQ2120B		2	<i>Phuc</i>	8,3	8,5	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121200024	PHẠM THỊ KIM PHỤNG	02/12/2003	CCQ2120A		2	<i>Phu</i>	7,3	7,0	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121120032	NGUYỄN ĐÌNH ANH QUANG	06/01/1999	CCQ2112A		2	<i>Quang</i>	7,0	8,5	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121200034	TRẦN THỊ THU SƯƠNG	20/02/2003	CCQ2120A		1	<i>Suan</i>	7,3	6,0	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121200038	NGUYỄN TIẾN THÀNH	16/07/2003	CCQ2120B		2	<i>Thanh</i>	1,7	7,5	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121030167	DƯƠNG HÙNG THẮNG	14/08/1997	CCQ2127D		1	<i>Hung</i>	6,7	6,5	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121200033	NGUYỄN THỊ CẨM THI	03/10/2003	CCQ2120A		2	<i>Thi</i>	8,1	9,5	8,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121120053	NGUYỄN CHÂU THIÊN	05/11/2003	CCQ2112B		2	<i>Thien</i>	7,2	7,0	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121200026	ĐÌNH CÔNG THUẬN	09/12/2003	CCQ2120A		1	<i>Thuan</i>	8,2	6,0	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121200053	LÊ NGUYỄN TRƯỜNG THUẬN	05/08/2003	CCQ2120B		1	<i>Thuan</i>	8,4	4,5	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121120454	NGUYỄN MINH THUẬN	01/10/2003	CCQ2112M				0,0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121200015	NGUYỄN THỊ THU THỦY	01/10/2003	CCQ2120A		1	<i>Thuy</i>	7,7	6,0	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121200070	ĐỖ THỊ BÍCH THUYỀN	28/03/2002	CCQ2120B				0,0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121200021	NGUYỄN NHƯ THƯƠNG	21/06/2003	CCQ2120A		1	<i>Thuy</i>	7,9	6,5	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002241

Môn học: **Khởi tạo doanh nghiệp (226184) - Nhóm 02**
Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2** Tổ: **002**
Ngày thi: **01/07/2022** Giờ: **07:30**
Phòng thi: **D6-33**

Số SV có mặt: 35
Số bài thi: 35
Số tờ giấy thi: 50

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2
----------------------	----------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
21	2121270093	PHẠM HỮU TIẾN	23/01/2003	CCQ2127C		2		7,8	9,0	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121200056	ĐÀO THỊ THÙY	29/11/2003	CCQ2120B		1		8,2	5,5	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121270081	LÊ THỊ KIỀU	13/10/2002	CCQ2127C		2		8,4	7,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121120338	NGÔ THỊ THÙY	17/01/2003	CCQ2112J		1		8,2	8,0	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121200002	LÊ TRẦN BẢO	27/08/2003	CCQ2120A		2		8,0	8,5	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121260044	DƯƠNG THỊ	30/08/2003	CCQ2126B		2		8,4	6,5	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121200041	ĐÌNH HỒNG	12/12/2003	CCQ2120B		1		7,9	6,0	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121200044	NGUYỄN TÚ	01/06/2003	CCQ2120B		2		8,1	9,0	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121120014	NGUYỄN THỊ MỸ	06/05/2003	CCQ2112A		2		7,6	8,5	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121270105	PHAN THỊ THANH	07/10/2003	CCQ2127C		1		8,3	7,0	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121200036	PHẠM THỊ CẨM	14/08/2003	CCQ2120B		1		7,8	6,0	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121270121	NGUYỄN NGỌC	23/11/2002	CCQ2127D		1		8,7	6,5	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2121120091	LÊ NGUYỄN MINH	10/03/2003	CCQ2112C				1,0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2121270097	PHAN THỊ THÚY	12/02/2003	CCQ2127C		1		7,8	7,0	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2121200047	HUỖNH NGUYỄN ANH	19/10/2003	CCQ2120B		1		6,3	7,5	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2121270082	HUỖNH TUẤN	10/11/2003	CCQ2127C		1		7,3	7,0	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2120170141	NGUYỄN ANH	14/09/2002	CCQ2020J		1		8,8	5,5	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2121260014	LƯƠNG THỊ Ý	19/04/2003	CCQ2126A		2		8,5	7,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002242

Môn học: **Khởi tạo doanh nghiệp (226184) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **01/07/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D6-35**

Số SV có mặt: 30

Số bài thi: 30

Số tờ giấy thi: 31

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	2121120143	VÕ TĂNG THỊ QUỲNH ANH	04/05/2003	CCQ2112E		1	<i>Anh</i>	7,8	6	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121170501	TRƯƠNG QUỐC BẢO	07/01/2003	CCQ2126D				4,7			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121120193	NGUYỄN KIM BÌNH	14/02/2003	CCQ2112F		1	<i>Kim</i>	8,2	7,5	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121120185	NGUYỄN THỊ KIM CHI	15/08/2003	CCQ2112F		1	<i>Chi</i>	6,8	5	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121120171	PHẠM THỊ YẾN CHI	10/01/2003	CCQ2112E		1	<i>Chi</i>	8,0	5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121120207	MAI THỊ DIỄM	15/08/2003	CCQ2112F				4,7			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121120194	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	01/07/2003	CCQ2112F		1	<i>Mỹ</i>	5,0	7	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121120196	PHẠM TRUNG DƯƠNG	13/07/2003	CCQ2112F		1	<i>Dương</i>	8,0	5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121120187	NGUYỄN THỊ DIỆP	23/10/2003	CCQ2112F		1	<i>Diệp</i>	8,0	8	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121120205	ĐỖ VŨ HOÀNG GIANG	10/04/2003	CCQ2112F		1	<i>Giang</i>	5,7	7	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121120168	LÊ VŨ TUYỀN GIANG	17/07/2003	CCQ2112E		1	<i>Giang</i>	7,3	9	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121120204	NGUYỄN THỊ HÀ	06/01/2002	CCQ2112F				4,7			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121120195	NGUYỄN THỊ THU HÀ	18/02/2003	CCQ2112F		1	<i>Thu</i>	7,8	8	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121120147	TRẦN THỊ NGỌC HẰNG	10/04/2002	CCQ2112E		1	<i>Hàng</i>	7,3	7	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121120170	BÙI MAI HIỀN	26/11/2003	CCQ2112E		1	<i>Mai</i>	6,8	9	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121200039	NGUYỄN THỊ THẢO HIỀN	05/08/2003	CCQ2120B		1	<i>Hiền</i>	7,7	7	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121120176	TRẦN MINH HIỀN	11/12/2002	CCQ2112F				4,7			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121120153	LÊ VĂN HIỆP	01/07/2003	CCQ2112E		1	<i>Hiệp</i>	6,7	5	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121120184	NGUYỄN THỊ THU HIỆP	18/02/2003	CCQ2112F		1	<i>Hiệp</i>	7,1	7	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120270150	TRẦN THỊ QUỲNH HOA	01/10/2002	CCQ2027E		1	<i>Quỳnh</i>	7,8	6	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002242

Môn học: **Khởi tạo doanh nghiệp (226184) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **01/07/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D6-35**

Số SV có mặt: 30

Số bài thi: 30

Số tờ giấy thi: 31

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
21	2121120148	TRẦN THỊ LÝ HÒA	22/04/2003	CCQ2112E		1		7,7	6	6.7	
22	2121120183	TRƯƠNG VĂN HUẤN	12/08/2002	CCQ2112F		1		6,8	6.5	6.6	
23	2121120179	VÕ VƯƠNG HUY	10/01/2003	CCQ2112F		1		7,3	6	6.5	
24	2121120182	TRẦN THỊ LAN HƯƠNG	20/01/2003	CCQ2112F				4,7			
25	2121120203	NGÔ TUẤN KIẾT	13/06/2003	CCQ2112F		1		7,0	7.5	7.3	
26	2121120145	ĐẶNG THỊ THÚY KIỀU	11/01/2003	CCQ2112E		1		7,8	8.5	8.2	
27	2121260125	NGUYỄN KHÁNH LINH	24/08/2003	CCQ2126D		2		8,2	8	8.1	
28	2121120173	NGUYỄN TỔ LINH	29/05/2003	CCQ2112E		1		7,5	6.5	6.9	
29	2121120167	ĐÀO TUYẾT KIM LOAN	10/08/2003	CCQ2112E		1		7,7	6	6.7	
30	2121120210	HỒ CẢNH MANH	25/10/2003	CCQ2112F		1		6,8	7	6.9	
31	2121120416	PHAN ĐƯƠNG MINH	07/11/2002	CCQ2112L				4,7			
32	2121120201	CHẾ LÊ MY	23/11/2003	CCQ2112F		1		6,5	8	7.4	
33	2121120177	LÊ HOÀNG MY	05/04/2003	CCQ2112F		1		6,8	7	6.9	
34	2121120159	HOÀNG NỮ THÚY	09/11/2003	CCQ2112E				7,5			
35	2121260027	VÕ NHƯ NGÀ	21/07/2003	CCQ2126A		1		7,3	6	6.5	
36	2120260244	NGUYỄN DUY NGHIÊM	14/02/2002	CCQ2026G				4,7			
37	2121120166	NGUYỄN ÁNH NGỌC	09/11/2003	CCQ2112E				4,7			
38	2121260030	TRẦN TÙNG NGUYỄN	13/11/2002	CCQ2126A		1		8,0	6.5	7.1	
39	2121120191	HUỶNH THỊ NHÀN	03/01/2003	CCQ2112F		1		7,3	5	5.9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002243

Môn học: **Khởi tạo doanh nghiệp (226184) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Số SV có mặt: **32**

Số bài thi: **32**

Số tờ giấy thi: **43**

Ngày thi: **01/07/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D5-26**

T.T. An

Cán bộ coi thi 1: **Phan Duy Phúc**
Cán bộ coi thi 2: **Phan Thúy Vân**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số từ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	2121120192	PHẠM THỊ THANH NHÀN	10/12/2003	CCQ2112F		1	<i>nhàn</i>	7,5	7,0	7,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
2	2121120072	CAO THỊ LINH	21/07/2002	CCQ2112C		1	<i>Linh</i>	7,3	7,5	7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
3	2121120163	NGUYỄN THỊ YẾN	20/11/2002	CCQ2112E		1	<i>Yến</i>	8,0	6,0	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
4	2121120209	TÔ PHƯƠNG	24/06/2003	CCQ2112F		1	<i>Phuong</i>	7,2	6,0	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
5	2121260029	VŨ NGUYỄN HOÀNG	29/07/2003	CCQ2126A		1	<i>nhung</i>	8,0	6,5	7,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
6	2121260001	HUỲNH DUY	03/11/2003	CCQ2126A				4,7			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
7	2121120160	ĐỖ THỊ THU	22/03/2003	CCQ2112E		1	<i>Thu</i>	5,1	6,0	5,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
8	2121120142	NGUYỄN PHAN HỒNG	12/09/2003	CCQ2112E		1	<i>Phuong</i>	7,8	7,5	7,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
9	2121120083	NGUYỄN MẠNH	24/12/2003	CCQ2112C		1	<i>Quân</i>	6,8	6,0	6,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
10	2121120080	TRẦN THỊ KIM	16/11/2003	CCQ2112C		1	<i>Kim</i>	4,7	5,5	5,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
11	2121260046	VÕ THỊ	30/11/2002	CCQ2126B		1	<i>Quyen</i>	7,7	6,0	6,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
12	2121120189	NGUYỄN THANH	14/04/2003	CCQ2112F		2	<i>Sang</i>	7,3	6,0	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
13	2121120152	TRẦN VĂN	17/09/2003	CCQ2112E		1	<i>Ja</i>	7,2	8,5	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
14	2121120437	NGÔ THUY MỸ	21/11/2003	CCQ2112E				4,7			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
15	2121120165	HUỲNH QUỐC	14/06/2003	CCQ2112E		2	<i>QD</i>	7,0	8,5	7,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
16	2121120146	BÙI THỊ NGỌC	27/05/2003	CCQ2112E		1	<i>Thao</i>	8,2	7,0	7,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
17	2121120082	LƯU HỒNG	13/06/2003	CCQ2112C		1	<i>Thao</i>	7,0	7,5	7,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
18	2121120086	PHẠM HỒNG	05/11/2003	CCQ2112C		1	<i>Thao</i>	7,5	8,0	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
19	2121120198	ĐẶNG THỊ KIM	02/03/2003	CCQ2112F		1	<i>Thoa</i>	7,8	7,5	7,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8
20	2121120106	NGUYỄN MỸ	04/12/2003	CCQ2112D		1	<i>Thoa</i>	4,7	6,5	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002243

Môn học: **Khởi tạo doanh nghiệp (226184) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **01/07/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D5-26**

Số SV có mặt: **32**

Số bài thi: **32**

Số tờ giấy thi: **43**

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phúc
Tang
Phạm Duy Phúc
Nguyễn
huyền
huyền
Thủy
Vân

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Ph	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
21	2121120155	BUI THI ANH	16/03/2003	CCQ2112E				4,7			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121120162	ĐANG PHAN BÍCH	10/07/2001	CCQ2112E				4,7			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121120169	LÊ THỊ THANH	24/05/2003	CCQ2112E		2	Thuy	8,0	6,5	7,1	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121120174	NGUYỄN THỊ ANH	23/10/2003	CCQ2112E		2	Thanh	7,7	5,0	6,1	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121120161	NGUYỄN THỊ MINH	25/05/2001	CCQ2112E				4,7			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121120141	NGUYỄN THỊ NHƯ	17/09/2002	CCQ2112E		1	Thu	7,7	6,0	6,7	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121120144	TRẦN ĐỨC	13/02/2001	CCQ2112E		2	Tin	6,8	6,0	6,3	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121120164	TRẦN MINH	09/01/2003	CCQ2112E		2	Minh	7,3	8,5	8,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121260056	LÊ THỊ NGUYỆT	20/10/2003	CCQ2126B				4,7			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121120158	NGUYỄN HỮU	16/01/2003	CCQ2112E		2	Huu	7,8	6,5	7,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121260010	ĐÀO THANH	08/12/2003	CCQ2126A		1	Thanh	8,3	7,0	7,5	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121120208	HUỖNH THỊ THANH	09/11/2003	CCQ2112F		2	Thanh	8,8	4,0	5,9	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2121120197	NGUYỄN THỊ THANH	24/09/2003	CCQ2112F		1	Thanh	7,7	8,5	8,2	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2121120206	VÕ KHÁNH	12/04/2003	CCQ2112F		2	Khánh	5,7	9,5	8,6	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2121120181	CAO THỊ KIM	24/10/2003	CCQ2112F		2	Kim	7,3	5,0	5,9	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2121120642	ĐÀU THỊ THANH	02/03/2003	CCQ2112F		2	Thanh	7,5	9,0	8,4	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2121260022	NGUYỄN THỊ	07/09/2003	CCQ2126A		1	Thị	8,7	8,5	8,6	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2121120190	LÊ THỊ NHƯ	14/05/2002	CCQ2112F		1	Như	7,3	7,5	7,4	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9